**Bài 20**

**CƠ CẤU DÂN SỐ**

**(2 tiết)**

**CHUẨN BỊ BÀI MỚI**

HS đọc nội dung SGK và gạch từ khoá, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi theo nhiệm vụ được phân công.

 + Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo giới.

 + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo tuổi.

 + Nhóm 5, 6: Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo lao động.

 + Nhóm 7, 8: Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá.

 HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

**Phiếu học tập số 1 (Nhóm 1, 2)**

**Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo giới**

 Nghiên cứu nội dung SGK, bảng số liệu 20.1, cùng thảo luận và trả lời các câu hỏi sau, tóm tắt thành sơ đồ trong giấy A3:

 - Quan niệm cơ cấu dân số theo giới.

 - Xây dựng công thức tính cơ cấu dân số thế giới.

 - Tại sao nhóm nước phát triển thường có tỉ lệ nữ cao hơn nhóm nước đang phát triển?

 - Ý nghĩa của cơ cấu dân số theo giới.

**Phiếu học tập số 2 (Nhóm 3, 4)**

 Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo tuổi

 Nghiên cứu nội dung SGK, hình 20, cùng thảo luận và trả lời các câu hỏi sau, tóm tắt thành sơ đồ trên giấy A3:

 - Cho biết thế nào là cơ cấu dân số trẻ, cơ cấu dân số già.

 - Trình bày các cách phân chia cơ cấu dân số theo tuổi.

 - Cơ cấu dân số theo tuổi có ý nghĩa gì đối với một quốc gia?

 - Liệt kê 3 nhóm tuổi của dân số.

 - Tháp dân số là gì?

 - Phân loại các kiểu tháp dân số.

**Phiếu học tập số 3 (Nhóm 5,6)**

**Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo lao động**

 Nghiên cứu nội dung SGK, bảng 20.2, cùng thảo luận và trả lời các câu hỏi sau, tóm tắt thành sơ đồ trên giấy A3:

 - Trình bày Cơ cấu dân số theo lao động. Lấy ví dụ minh hoạ.

 - Nhóm dân số hoạt động kinh tế và không hoạt động kinh tế khác nhau như thế nào?

 - Có bao nhiêu khu vực kinh tế được xác định tương ứng với cơ cấu dân số theo lao động?

 - Nhận xét bảng 20.2 trong SGK.

**Phiếu học tập số 4 (Nhóm 7,8)**

**Tìm hiểu về cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá**

 Nghiên cứu nội dung SGK, cùng thảo luận và trả lời các câu hỏi sau, tóm tắt thành sơ đồ trên giấy A3:

 - Trình bày cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá. Lấy ví dụ minh hoạ.

 - Những tiêu chí nào được sử dụng để xác định cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa?

- Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá giữa các lãnh thổ khác nhau như thế nào, thay đổi theo thời gian ra sao?

**LUYỆN TẬP**

\* Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1. Cơ cấu dân số theo giới biểu thị tương quan giữa

 A. giới tính nam so với giới tính nữ hoặc so với tổng số dân.

 B. giới tính nam so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.

 C. giới tính nữ so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.

 D. số trẻ em nam và nữ sinh ra so với tổng số dân.

Câu 2. Nhóm từ 0 – 14 tuổi là nhóm tuổi

 A. trong tuổi lao động. B. dưới tuổi lao động. C. ngoài tuổi lao động. D. hoạt động kinh tế.

Câu 3. Sức sản xuất cao nhất của xã hội tập trung ở nhóm tuổi

 A. dưới tuổi lao động. B. trong tuổi lao động.

 C. trên tuổi lao động. D. dưới và trên tuổi lao động.

Câu 4. Loại cơ cấu dân số nào thể hiện được tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia?

 A. Cơ cấu dân số theo lao động. B. Cơ cấu dân số theo giới.

 C. Cơ cấu dân số theo độ tuổi. D. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá.

Câu 5. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá phản ánh

 A. trình độ dân trí và học vấn của dân cư.

 B. tỉ lệ người biết chữ trong xã hội.

 C. số năm đến trường trung bình của dân cư.

 D. đời sống văn hoá và trình độ dân trí của dân cư.

Câu 6. Kiểu tháp dân số nào sau đây thể hiện tuổi thọ trung bình cao?

 A. Mở rộng. B. Ổn định.

 C. Thu hẹp. D. Không thể xác định được.

Câu 7. Cơ cấu dân số được phân ra thành hai loại chính là

 A. sinh học và trình độ. B. giới và tuổi. C. lao động và trình độ. D. sinh học và xã hội.

Câu 8. Loại cơ cấu dân số nào sau đây **không** thuộc nhóm cơ cấu xã hội?

 A. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi. B. Cơ cấu dân số theo lao động.

 C. Cơ cấu dân số theo dân tộc. D. Cơ cấu dân số theo ngôn ngữ, tôn giáo.

Câu 9. Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

 A. lao động và theo giới. B. lao động và theo tuổi.

 C. tuổi và theo giới. D. tuổi và theo trình độ.

Câu 10. Cơ cấu dân số theo tuổi là

 A. tập hợp những nhóm người phản ánh trình độ dân trí và học vấn của dân cư.

 B. tương quan giữa giới tính nam so với giới tính nữ hoặc so với tổng số dân.

 C. tập hợp những nhóm người được sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

 D. tập hợp nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Câu 11. Bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động được gọi là

 A. nguồn lao động. B. lao động có việc làm.

 C. lao động đang hoạt động kinh tế. D. những người có nhu cầu về việc làm.

Câu 12. Ý nào sau đây là đặc điểm của kiểu tháp dân số mở rộng?

 A. Đáy hẹp, đỉnh phình to.

 B. Đáy rộng, đỉnh hẹp.

 C. Ở giữa tháp thu hẹp, phình to ở phía hai đầu.

 D. Hẹp đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.

Câu 13. Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số không hoạt động kinh tế?

 A. Học sinh, sinh viên đang đi học.

 B. Những người đang làm việc trong các nhà máy.

 C. Những người nông dân đang làm việc trên ruộng đồng.

 D. Người có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm.

Câu 14. Ý nào sau đây đúng khi nói đến thuận lợi của cơ cấu dân số trẻ?

 A. Nguồn lao động có kinh nghiệm. B. Nguồn lao động dồi dào trong tương lai.

 C. Nguồn lao động lành nghề. D. Nguồn lao động có trình độ cao.

Câu 15. Ý nào sau đây đúng khi nói đến khó khăn của cơ cấu dân số già?

 A. Áp lực lên y tế, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho trẻ em.

 B. Sức ép lên giáo dục, cơ sở hạ tầng, môi trường.

 C. Thiếu nguồn lao động trong tương lai, an sinh cho người cao tuổi.

 D. Kinh tế chậm phát triển, khó khăn giải quyết việc làm.

Câu 16. Một nước có tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm không dưới 14%. Số dân cả nước thì được xếp là nước có

 A. dân số trẻ. B. dân số già. C. dân số trung bình. D. dân số cao.

Câu 17. Một nước có tỉ lệ người trong nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi chiếm không dưới 35%, tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên là không quá 7% số dân cả nước thì được xếp là nước có

 A. dân số trẻ. B. dân số già. C. dân số trung bình. D. dân só cao.

Câu 18. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá thường dùng làm một tiêu chuẩn để đánh giá

 A. chất lượng cuộc sống của một quốc gia. B. chỉ số phát triển con người (HDI).

 C. nguồn lao động của một nước. D. khả năng phát triển dân số một nước.

Câu 19. Ý nào sau đây đúng nhất về cơ cấu dân số trẻ?

 A. Tỉ lệ sinh thấp. B. Tuổi thọ trung bình thấp.

 C. Tỉ lệ tử cao. D. Thiếu nguồn lao động trong tương lai.

Câu 20. Sự gia tăng dân số cơ học sẽ làm cho dân số thế giới

 A. không thay đổi. B. giảm quy mô. C. luôn biến động. D. tăng về quy mô.

Câu 21. Kiểu tháp mở rộng là biểu hiện của cơ cấu dân số

 A. trẻ. B. già. C. chuyển tiếp. D. ổn định.